

Bản án số: 125/2023/DS-ST
Ngày 19-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn;
- Bà Phạm Tú Nhi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông **Trịnh Thành Đ**, sinh năm 1965; thường trú: **Số B đường T, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**; địa chỉ liên hệ: **Số A đường C, khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương**; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông **Trần Công L**, sinh năm 1969 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969; cùng thường trú: **Số A, đường Đ, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Trịnh Thành Đ** trình bày: Ông **Đ** và vợ chồng ông **Trần Công L**, bà **Nguyễn Thị T** có quen biết nhau từ trước, ông **Đ** có cho vợ chồng ông **L** vay tiền nhiều lần để làm ăn và cam kết trả nợ khi ông **Đ** cần. Tổng số tiền ông **Đ** đã cho vợ chồng

ông L, bà T vay đến nay 07/02/2023 là 1.128.000.000 đồng, theo giấy xác nhận nợ do vợ chồng ông L, bà T viết ngày 07/02/2023. Sau nhiều lần ông Đ liên hệ yêu cầu vợ chồng ông L, bà T để trả lại số nợ đã vay nhưng vợ chồng ông L trốn tránh, không chịu trả. Vì vậy, ông Trịnh Thành Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Công L, bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền đã vay 1.128.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn: Ông Trần Công L, bà Nguyễn Thị T đã được tòa án triệu tập họp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/8/2023, tham gia phiên tòa vào các ngày 28/8/2023 và 19/9/2023 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 28/8/2023 và ngày 19/9/2023 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị H là vợ của ông Trịnh Thành Đ trình bày số tiền 1.128.000.000 đồng mà ông Đ cho vợ chồng ông Trần Công L, bà Nguyễn Thị T vay, là tiền riêng của ông Đ, không liên quan đến bà H. Do đó, Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hay người làm chứng trong vụ án.

[2] Về nội dung: Xét giấy xác nhận nợ ngày 07/02/2023 giữa ông **Trịnh Thành Đ** với ông **Trần Công L**, bà **Nguyễn Thị T** là thể hiện ý chí tự nguyện của các đương sự. Theo nội dung của giấy xác nhận nợ, vợ chồng ông **L**, bà **T** xác nhận còn nợ ông **Đ** tổng cộng số tiền 1.128.000.000 đồng. Ông **Đ** đã nhiều lần liên hệ yêu cầu vợ chồng ông **L**, bà **T** trả lại số tiền đã vay nhưng vợ chồng ông **L**, bà **T** trốn tránh, không chịu trả. Vì vậy, nguyên đơn ông **Trịnh Thành Đ** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn **Trần Công L**, bà **Nguyễn Thị T** trả lại số tiền đã vay 1.128.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 180, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 429, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trịnh Thành Đ** đối với bị đơn ông **Trần Công L**, bà **Nguyễn Thị T** về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc ông **Trần Công L**, bà **Nguyễn Thị T** có nghĩa vụ thanh toán cho ông **Trịnh Thành Đ** số tiền đã vay 1.128.000.000 (Một tỷ một trăm hai mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày ông **Trịnh Thành Đ** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **Trần Công L**, bà **Nguyễn Thị T** chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng ông **L**, bà **T** còn phải trả cho ông **Đ** tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Trần Công L**, bà **Nguyễn Thị T** phải chịu 45.840.000 (Bốn mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T